



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU (MÃ CK: SSG)

Số 40 đường số 1 khu phố 3 phường Bình Thuận quận 7 Tp. HCM

Tel: (84-28) 3.8.732338; Fax: 08.28. 3.8.732909

E-mail: opr-dept@seagullshipping.com.vn

Website: www.seagullshipping.com.vn

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2021**

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Số 40 đường số 1 khu phố 3 phường Bình Thuận, Quận 7, Tp. HCM

Tel: (84-28) 3.8.732338 Fax: (84-28) 3.8.732909

E-mail: opr-dept@seagullshipping.com.vn

Website: www.seagullshipping.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Mã CK : SSG

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát: Lịch sử hoạt động của Công ty

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Vận tải biển Hải Âu
- Tên viết tắt : SESCO
- Tên Tiếng Anh : SEAGULL SHIPPING COMPANY
- Biểu tượng của Công ty : 
- Giấy CNĐKKD : Số 4103000083 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 01/06/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 12/10/2018.
- Vốn điều lệ : 50.000.000.000 đồng (*Năm mươi tỷ đồng*).
- Địa chỉ : Số 40 đường số 1 khu phố 3 phường Bình Thuận, Quận 7, Tp. HCM.
- Điện thoại : (84-028) 3.8.732338
- Fax: : (84-028) 3.8.732909
- Webside : www.seagullshipping.com.vn
- Mã chứng khoán : SSG

- ***Quá trình hình thành và phát triển:***

Năm 2000, theo chương trình cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước của Chính phủ, công ty cổ phần Vận tải biển Hải Âu được thành lập theo quyết định số 29/2000/QĐ-TTg ngày 28/02/2000 của Thủ tướng Chính phủ. Từ một công ty nhà nước trực thuộc Công ty vận tải Biển Việt Nam (Vosco) chuyển đổi mô hình hoạt động thành công ty cổ phần.

Tại thời điểm cổ phần hóa, tài sản của Công ty cổ phần Vận tải biển Hải Âu là tàu vận tải hàng khô mang tên Southern Star, có tải trọng 6.500 DWT, đóng năm 1983, trị giá tài sản khoảng 13,5 tỷ đồng. Vốn cổ phần là 15.000.000.000 đồng.

Kinh doanh vận tải biển là hoạt động kinh doanh chính. Công ty có đội tàu chuyên chở hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và vận chuyển hàng hóa giữa các cảng quốc tế. Vùng hoạt động của đội tàu Công ty không hạn chế. Sau 14 năm hoạt động, Hải Âu đã có những bước phát triển nhất định. Khách hàng tin tưởng đội tàu công ty vận chuyển hàng hóa an toàn, đảm bảo chất lượng. Đội tàu công ty từ 01 con tàu trọng tải 6.500 tấn khi thành lập đến cuối năm 2006 đội tàu phát triển thành 04 tàu với tổng trọng tải trên 30.000 tấn. Từ năm 2008 đến năm 2014 công ty đã bán 03 tàu, mua mới 01 tàu. Ngày 24/07/2018, công ty đã bàn giao tàu cho Ngân hàng tài trợ dự án mua tàu Sea Dragon để tất toán khoản vay. Đến 31/12/2018 đến nay, công ty còn 01 tàu với tổng trọng tải 13.316 tấn đóng tháng 12/2006

Cuối năm 2008, công ty đầu tư mua trụ sở số 12, đường Đoàn Như Hải, phường 12, quận 4, Tp. Hồ Chí Minh. Tháng 07/2018, công ty đã bán trụ sở này và tháng 09/2018 mua trụ sở mới tại số 40 đường số 1 khu phố 3, phường Bình Thuận Tp. Hồ Chí Minh.

Trong quá trình hoạt động, công ty luôn cố gắng tuân thủ pháp luật tại Việt Nam và pháp luật quốc tế. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, không nợ đọng thuế.

Ngày 05/01/2011, cổ phiếu công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán SSG. Do bị lỗ 3 năm liên tiếp, ngày 15/05/2015, cổ phiếu công ty bị hủy niêm yết tại HNX.

Từ ngày 03/06/2015, cổ phiếu công ty (SSG) niêm yết và đăng ký giao dịch tại thị trường UPCOM.

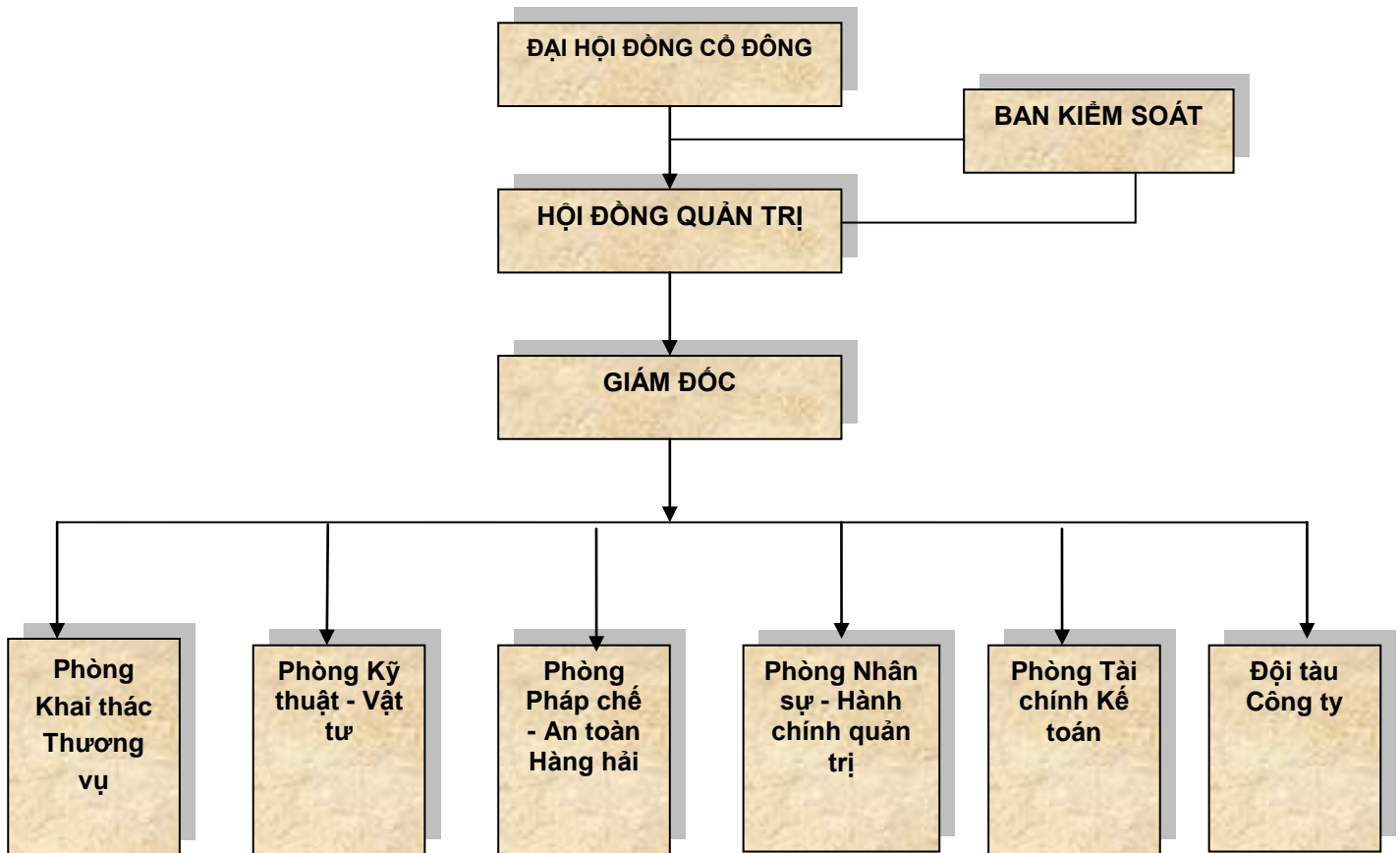
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh chính của công ty là vận tải biển trong và ngoài nước.

- Địa bàn kinh doanh: Vận tải hàng hóa giữa các cảng trong nước, giữa cảng trong nước và quốc tế, giữa các cảng quốc tế. Các tàu của công ty chủ yếu hoạt động ở khu vực Đông Nam Á và Bắc á.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

Công ty Cổ phần Vận tải biển Hải Âu hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Bộ Luật Hàng Hải và các luật khác có liên quan



4. Định hướng phát triển

- Công ty cố gắng trẻ hóa, tăng trọng tải đội tàu. Tuy nhiên, hiện nay kinh doanh vận tải biển gặp rất nhiều khó khăn nên tạm thời công ty chưa đầu tư thêm tàu, phát triển các dịch vụ khác.

- Trong quá trình kinh doanh, công ty luôn tuân thủ theo các quy trình quản lý an toàn đảm bảo an toàn đối với môi trường, xã hội và cộng đồng.

5. Các rủi ro:

Sau một thời gian giảm giá, hiện nay giá dầu lại tăng, chi phí nhiên liệu, dầu nhớt là các khoản mục chi phí lớn chiếm tỷ trọng lớn trên doanh thu. Giá dầu tăng, chi phí dịch vụ hàng hải tăng, hàng hóa khan hiếm, tàu chạy rỗng nhiều mà giá cước vận tải giảm khiến cho các doanh nghiệp vận tải biển hiện nay gặp rất nhiều khó khăn. Khủng hoảng kinh tế, dịch bệnh covid xảy ra ở khu vực và thế giới ảnh hưởng mạnh mẽ đến kinh doanh vận tải biển. Ngoài ra, thời tiết cũng là một yếu tố bất khả kháng ảnh hưởng đến an toàn của con người, tài sản và hàng hóa vận chuyển, thời gian xếp dỡ hàng hóa. Để ngăn ngừa rủi ro, công ty luôn tham gia đầy đủ các loại bảo hiểm như bảo hiểm thân tàu, bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu đối với bên thứ ba, bảo hiểm tai nạn thuyền viên.

II. Tình hình hoạt động trong năm năm 2021

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2021, tình hình dịch bệnh trong nước và thế giới diễn biến phức tạp. Kinh tế toàn cầu gặp rất nhiều khó khăn.

Tàu Sea Dream cho thuê định hạn liên tục cho đến khi lên đà đặc biệt vào ngày 13/12/2021. Trong năm tàu không bị off hire. Tuy nhiên, giá cước vận tải biển tăng nên kết quả kinh doanh của công ty năm 2021 có lãi.

- *Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2021:*

STT	Chỉ tiêu	Phê duyệt ĐHĐCĐ	TH năm 2021	TH năm 2020	So sánh TH/KH 2021	So sánh TH2021/TH2020
1	Doanh thu tàu Sea Dream (triệu đồng)	23.447	29.246	26.455	124,73%	110,55%
2	Quỹ tiền lương (triệu đồng)	5.200	5.718	4.920	109,96%	116,22%
3	Khấu hao cơ bản tàu Sea Dream	7.048	7.048	8.868	100,00%	79,48%
4	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	(200)	4.106	(538)	-	-
5	Thù lao HĐQT, BKS (triệu đồng)	100	92	0	92,00%	
6	Mức chia cổ tức (%)	0	0	0		

Trong năm 2021, Công ty đã hoàn thành gần hết các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông năm 2021 giao trừ chỉ tiêu quỹ tiền lương. Quỹ lương phải điều chỉnh tăng do lương thuyền viên tăng, đảm bảo tàu có đủ định biên để hoạt động

2. Tổ chức và nhân sự:

- *Danh sách Ban điều hành và các cán bộ quản lý:*

STT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Đặng Hồng Trường	Giám đốc từ 01/06/2021	0,10%
2	Nguyễn Hữu Hoàn	Giám đốc miễn nhiệm từ 01/06/2021	3,10%
3	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phó Giám đốc bổ nhiệm từ 02/07/2021	0%
2	Lê Thanh Hà	Kế toán trưởng	0,10%
3	Trần Ngọc Nam	Trưởng phòng Khai thác và Pháp chế An toàn	0%

- Lý lịch Ban điều hành:

a. Ông Nguyễn Hữu Hoàn, Giám đốc đến 01/06/2021, Phó chủ tịch HĐQT. Miễn nhiệm Giám đốc từ 01/06/2021 do qua đời.

1. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển
2. Quá trình công tác:

Từ 1979-1983	Cán bộ Phòng Hàng hải Công ty Vận tải biển Việt Nam (Vosco)
Từ 1983-1988	Cán bộ Phòng Khai thác Thương vụ Vosco
Từ 1989-1990	Quản trị trưởng tàu Tô Lịch, thuộc Vosco
Từ 1990-1995	Đại diện Vosco tại Thái Lan, Giám đốc điều hành Công ty liên doanh Vận tải biển TVS tại Bangkok, Thái Lan
Từ 1995-2000	Giám đốc Công ty Vận tải biển Hải Âu, thuộc Vosco
Từ 2000-2002	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Điều hành Công ty Cổ phần Vận tải biển Hải Âu (Sesco)
Từ 2002-2008	Thành viên HĐQT Sesco, Phó trưởng ban Kế hoạch Đầu tư Cục Hàng hải Việt Nam
Từ 2008-2014	Thành viên HĐQT, Giám đốc Điều hành Sesco.
Từ 2014-đến nay	Phó Chủ tịch HĐQT Sesco; Giám đốc Điều hành đến 01/06/2021, miễn nhiệm Giám đốc do qua đời.

b. Ông Đặng Hồng Trường, Thành viên HĐQT, Giám đốc từ 01/06/2021

1. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế chuyên ngành Tổ chức và Quản lý vận tải .
2. Quá trình công tác:

Từ 1995-2000	Chuyên viên phòng Khai thác, phòng Kế Toán Công ty Vận tải biển Việt Nam (Vosco)
Từ 2000-2001	Kế toán trưởng công ty Cổ phần Vận tải biển Hải Âu
Từ 2001-2007	Chuyên viên, Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán Vosco
Từ 2007-2018	Phó phòng, Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư Vosco
Từ 2018-2020	Trưởng phòng Nhân sự Thuyền viên
Từ 2020-đến nay	Phó Tổng Giám đốc Vosco; Giám đốc công ty Cổ phần Vận tải biển Hải Âu (Sesco) từ 01/06/2021

b. Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Phó Giám đốc từ 02/07/2021

1. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế chuyên ngành Tổ chức và Quản lý vận tải .
2. Quá trình công tác:

Tháng 12/2010- tháng 06/2014	Thực tập sinh, cán bộ ngân hàng, Giám đốc quan hệ khách hàng, citibank Việt Nam
Tháng 07/2014- tháng 08/2017	Trưởng dự án Bancassurance, Manulife Việt Nam
Tháng 09/2017- tháng 12/2021	Trưởng phòng Hoạch định đầu tư, công ty Harvey Law Group
Tháng 12/2019 – đến nay	Đồng sáng lập & Thành viên HĐQT công ty Cổ phần giáo dục Digiciti
Tháng 7/2021- đến nay	Phó Giám đốc công ty Cổ phần Vận tải biển Hải Âu (Sesco)

b. Bà Lê Thanh Hà - Kế toán trưởng

1. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Vận tải biển

2. Quá trình công tác:

Từ 1997-1999	: Làm việc tại phòng Tài chính - Kế toán Vosco
Từ 1999-2000	: Làm việc tại Sesco trực thuộc Vosco
Từ 2000-đến nay	: Làm việc tại Công ty Cổ phần Vận tải biển Hải Âu

- Số lượng nhân viên công ty vào ngày 31/12/2021 là 29 người.

- Chính sách đối với người lao động:

❖ Chính sách tuyển dụng, huấn luyện và đào tạo:

Nâng cao hiệu quả công việc của từng cán bộ công nhân viên, không tuyển thêm người khi Trưởng phòng Khai thác, Trưởng phòng Kỹ thuật khi cán bộ giữ vị trí này về hưu, chuyển công việc. Bổ sung thêm chức danh Phó Giám đốc

Nhằm đảm bảo số lượng, chất lượng của thuyền viên làm việc trên các con tàu trong điều kiện nặng nhọc nguy hiểm, công ty xây dựng kế hoạch tuyển dụng lao động để bổ sung nguồn nhân lực. Công ty thực hiện chính sách tuyển dụng công khai, rộng rãi, đúng chuyên môn nghiệp vụ. Sau khi tuyển dụng, được Công ty huấn luyện cơ bản nhằm đảm bảo hoàn thành công việc được giao.

❖ Chính sách bảo đảm an toàn lao động:

Mọi chức danh làm việc trên tàu đều được huấn luyện và có chứng chỉ an toàn phù hợp, được trang bị phòng hộ cá nhân đảm bảo yêu cầu an toàn. Tổ chức mạng lưới an toàn vệ sinh, đảm bảo đôn đốc, nhắc nhở thực hiện quy trình an toàn trong từng ca làm việc.

❖ Chính sách tiền lương:

Lương là đòn bẩy để tăng năng suất lao động và tăng cường hiệu quả công tác. Các nước xung quanh thu hút thuyền viên với mức lương cao. Nguồn cung thuyền viên khan hiếm nên lương của thuyền viên tăng cao. Đây là một khó khăn trong khai thác tàu hiện nay. Chính sách tiền lương được xây dựng trên cơ sở đảm

bảo hài hòa các lợi ích của công ty và Người lao động, phù hợp đặc thù của ngành nghề đi biển và thị trường lao động.

❖ **Chính sách phúc lợi:**

Công ty chăm lo đời sống của cán bộ công nhân viên và thuyền viên, thường xuyên thăm hỏi ốm đau, hiếu hỉ. Tàu của Công ty đều có phòng câu lạc bộ được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phục vụ đời sống tinh thần thuyền viên khi làm việc trong điều kiện nặng nhọc, nguy hiểm.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Năm 2021, tình hình kinh doanh công ty cổ phần Vận tải biển Hải Âu vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Công ty đã tạm dừng không đàm phán, giao dịch với các đơn vị môi giới mua bán tàu.

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	TH 2021/2022
Tổng giá trị tài sản	26.202.084.444	27.150.490.406	103,62%
Doanh thu thuần	26.498.539.381	29.267.413.076	110,45%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(537.840.083)	4.106.016.626	
Lợi nhuận trước thuế	(537.840.083)	4.106.016.626	
Lợi nhuận sau thuế	(537.840.083)	4.106.016.626	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn TSLĐ/ Nợ ngắn hạn	0,11	0,78
- Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	0,10	0,77
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số nợ/Tổng tài sản (lần)	0,76	0,62
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	3,14	1,60

Các chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
- Vòng quay Hàng tồn kho		
Giá vốn hàng bán/ Tồn kho bình quân	87,08	99,94
- Doanh thu thuần/ Tổng tài sản (lần)	1,01	1,08
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi		
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-2,03%	14,03%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-8,51%	39,38%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-2,05%	15,12%
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	-2,03%	14,03%

* *Về khả năng thanh toán:* Hệ số thanh toán ngắn hạn, hệ số khả năng thanh toán nhanh là chỉ số thể hiện khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn trả nợ. Hệ số khả năng thanh toán công ty năm 2021 cao hơn nhiều lần so với năm 2020. Điều này cho thấy khả năng thanh toán của công ty đã được cải thiện.

* *Về cơ cấu vốn:* Công ty đã sử dụng đòn bẩy tài chính ở mức tương đối lớn. Đây cũng là nét đặc trưng của các doanh nghiệp vận tải biển. Công ty không còn nợ gốc vay dài hạn. Tuy nhiên hệ số nợ công ty vẫn ở mức cao. Năm 2021, hệ số nợ trên tổng tài sản của công ty giảm so với năm 2020. Đây là dấu hiệu cho thấy tình hình tài chính công ty đang dần tốt hơn.

* *Về hiệu quả sinh lời:* Do kết quả kinh doanh năm 2021 có lãi nên khả năng sinh lời của công ty tốt hơn năm 2020.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành là 5.000.000 cổ phiếu phổ thông (Năm triệu cổ phiếu).

- Trung tâm lưu ký chứng khoán quản lý sổ cổ đông công ty. Danh sách cổ đông chỉ được cung cấp khi công ty thực hiện các quyền cổ đông theo luật định.

b. Cơ cấu cổ đông:

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn (Sở hữu từ 5% vốn trở lên) :

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu / Vốn điều lệ
1	Tổng Cty Hàng Hải VN – Công ty TNHH MTV	Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Q.Đống Đa, Hà Nội	26,46%
2	Bà Nguyễn Thị Mai Phương	21 đường 12 Him Lam, Tân Hưng, quận 7, Tp. HCM	21,14%
3	Tổng công ty Bảo Việt Nhân Thọ	Tầng 37, keangnam Hanoi Landmark tower, đường Phạm Hùng, quận Nam từ Liêm, TP Hà Nội	8,82%

4	Cty CP Quản Lý Quỹ Tín Phát	phòng 305, tầng 3, tháp A, tòa nhà Sky Tower, số 88 Láng Hạ, Đống Đa Hà Nội	8,82%
5	Ông Nguyễn Đức Mạnh	P3-E1 Tập thể KHXH, Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội	7,37%
6	Cổ đông nhỏ		27,39%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm, vốn điều lệ của Công ty không thay đổi: 50.000.000.000 VNĐ (Năm mươi tỷ đồng) do không phát sinh đợt tăng vốn cổ phần nào.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại là 18.810 cổ phiếu. Trong năm không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ

c. Các chứng khoán khác

Công ty không có trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...)

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Ngành nghề kinh doanh của công ty là vận tải biển. Đây là ngành dịch vụ không phải ngành sản xuất nên không có nguyên vật liệu đầu vào.

6.2 Tiêu thụ năng lượng:

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp: các tàu khi vận hành khai thác sử dụng dầu D/O và F/O. Ngoài ra trên văn phòng tiêu thụ điện sinh hoạt.

b. Năng lượng tiết kiệm:

- Vận hành tàu hoạt động với tốc độ hợp lý để giảm thiểu mức tiêu hao nhiên liệu. Trong sinh hoạt của Thuyền viên, tiết kiệm điện để giảm nhiên liệu cho máy đèn.

- Đối với điện sinh hoạt trên văn phòng: Tiết kiệm điện tối đa: Ra vào đóng cửa, tắt đèn. Hạn chế bật điều hòa. Sử dụng các năng lượng thiên nhiên khi điều kiện thời tiết cho phép.

c. Các báo cáo, sáng kiến, tiết kiệm năng lượng: Hạn chế sử dụng điều hòa trong khối văn phòng nhằm giảm sự thoát nhiệt ra ngoài không khí và thải khí CO₂. Trồng nhiều cây xanh trong khuôn viên công ty tạo bóng mát để giảm thiểu công suất làm việc các thiết bị làm mát.

6.3 Tiêu thụ nước:

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

+ Đối với các tàu vận hành trên biển: Nước được mua từ các nhà cung cấp dịch vụ tàu biển khi cập cảng và được dự trữ trong các két nước. Ngoài ra, tàu công ty có thể sản xuất được nước ngọt từ nước biển. Trung bình tàu Sea Dream sử dụng gần 8

tấn nước/ ngày. Nước được dùng để phục vụ sinh hoạt cho thuyền viên và rửa hầm hàng sau khi dỡ hàng, làm mát máy.

+ Đối với khối văn phòng: Nước được mua từ các công ty cấp nước và phục vụ cá nhân trong thời gian làm việc tại văn phòng. Khối lượng nước sử dụng hàng tháng khoảng 25 m³/ tháng.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

+ Trên các tàu biển, khi chạy biển các tàu có thể lọc được khoảng 4 tấn nước ngọt/ ngày. Lượng nước trung cất này chỉ sử dụng để rửa hầm hàng, tắm giặt không dùng để nấu nướng hay ăn uống.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Do các tàu của công ty hoạt động không giới hạn trên các vùng biển trên thế giới. Chính vì vậy, công ty luôn luôn tuân thủ nghiêm ngặt luật pháp của Việt nam và các nước sở tại trong đó có pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong năm công ty không bị xử phạt vi phạm vì luôn tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Số lượng người lao động công ty tại thời điểm 31/12/2021 là 29 người.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Người lao động công ty được đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ. Ngoài ra công ty còn tham gia bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ tàu với bên thứ ba, tham gia bảo hiểm tai nạn thuyền viên 24/7. Công ty tổ chức thăm hỏi, động viên người lao động và gia đình theo đúng quy định của pháp luật.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

Nghề đi biển là ngành nghề độc hại, nguy hiểm. Các thuyền viên khi nhập tàu đều qua các lớp huấn luyện an toàn từ cơ bản đến nâng cao, cứu sinh, cứu hỏa. Ngoài ra theo quy định của pháp luật, khi trên biển định kỳ người lao động phải tổ chức thực tập cứu sinh, cứu hỏa.

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

Thuyền viên công ty đảm bảo số giờ đào tạo theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam và quốc tế.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp

Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động học tập, phát triển chuyên môn. Người lao động có chuyên môn nghiệp vụ cao là nhân tố quan trọng đảm bảo cho họ ổn định công việc và phát triển sự nghiệp.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Hằng năm, công ty hỗ trợ tài chính cho chương trình phát triển cộng đồng do chính quyền, Đảng ủy, công đoàn địa phương nơi công ty đóng trụ sở phát động.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: không.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. Doanh thu:

- Năm 2021, tàu Sea Dream cho thuê định hạn từ 01/01 đến 13/12/2021, tổng doanh thu cho thuê định hạn tàu Sea Dream đạt 29.246 triệu đồng, bằng 124,73% so với kế hoạch (23.447 triệu đồng) và bằng 110,55% so với năm 2020 (26.455 triệu đồng). Doanh thu tăng do Công ty đã tích cực đàm phán, thương lượng với người thuê tàu tăng giá thuê tàu 2 lần vào tháng 5/2021 và 11/2021.

- Cho thuê văn phòng (1 phòng làm việc) được 22 triệu đồng. Từ ngày 07/07 đến 30/09/2021 tp. Hồ Chí Minh thực hiện chỉ thị 16, trụ sở công ty bị phong tỏa vì dịch bệnh và tình hình kinh doanh người thuê gặp khó khăn nên Công ty miễn tiền thuê quý 3 và quý 4/2021 cho người thuê.

b. Chi phí tiền lương

Năm 2021, chi phí tiền lương là 5,718 triệu đồng bằng 109,96% so với phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 (5.200 triệu đồng) bằng 116,20% so với 2020 (4.920 triệu đồng) do Công ty phải tăng lương cho thuyền viên phù hợp với thị trường, đảm bảo tuyển đủ thuyền viên vận hành tàu.

c. Khấu hao cơ bản

Năm 2021, mức trích khấu hao cơ bản của tàu Sea Dream là 5% nguyên giá tương đương 7.048 triệu đồng. Tàu Sea Dream chỉ trích khấu hao 9 tháng 17 ngày. Từ ngày 18/10/2021, tàu Sea Dream giá trị còn lại trên sổ sách bằng 0.

d. Lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế năm 2021 của Công ty 4.106 triệu đồng, vượt mức kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 giao (-200 triệu đồng).

*** Những tiến bộ công ty đã đạt được.**

Thị trường kinh doanh vận tải biển khởi sắc từ giữa tháng 03/2021. Công ty đã kịp thời đàm phán với Người thuê tàu và 2 lần điều chỉnh tăng giá thuê tàu mặc dù đã ký thời hạn 1 năm từ cuối năm 2020. Do đó kết quả kinh doanh năm 2021 lãi 4,1 tỷ đồng. Như vậy, Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu của ĐHĐCD giao. Riêng chỉ tiêu Quỹ lương, Công ty phải tăng lương thuyền viên để phù hợp với thị trường.

2. Tình hình tài chính năm 2021:

a. Tình hình tài sản

Tổng tài sản của Công ty là: **27.150 triệu đồng** (bằng **103,62%** so với năm trước (**26.202 triệu đồng**), trong đó một số tài sản chủ yếu như sau:

a) Tổng tài sản ngắn hạn: **13.087 triệu đồng**, chiếm **48,20%** tổng tài sản. Các tài sản chủ yếu là: Tiền và các khoản tương đương tiền (**5.927 triệu đồng**); Các

khoản phải thu ngắn hạn (5.664 triệu đồng); Nguyên, vật liệu tồn kho (182 triệu đồng), Tài sản ngắn hạn khác (1.314 triệu đồng).

b) Giá trị còn lại của tài sản cố định là: **11.902 triệu đồng**, chiếm **43,84%** tổng tài sản. Các tài sản cố định chủ yếu là tàu và trụ sở Công ty, cụ thể như sau:

- Từ ngày 18/10/2021, giá trị còn lại của tàu Sea Dream theo sổ sách bằng 0. Tuy nhiên, công ty vẫn thực hiện mua bảo hiểm cho tàu với giá trị tài sản mua bảo hiểm hợp lý để phòng ngừa rủi ro.

- Trụ sở Công ty tại số 40, đường số 1 khu phố 3 phường Bình Thuận, quận 7 thành phố Hồ Chí Minh: Nguyên giá (hữu hình và vô hình): 12.191 triệu đồng, giá trị còn lại: 11.902 triệu đồng (bằng 97,63% nguyên giá). Trong đó: nguyên giá vô hình quyền sử dụng đất 10.000 triệu đồng không trích khấu hao theo quy định của Bộ Tài chính.

c) Các khoản chi phí trả trước dài hạn là: **2.157 triệu đồng**, chiếm **7,94%** tổng tài sản.

b. Tình hình vốn:

Tổng số nguồn vốn của Công ty là: **27.150 triệu đồng** (bằng **103,62%** so với năm trước (**26.202 triệu đồng**), trong đó một số khoản mục chủ yếu như sau:

+ Tổng nợ phải trả là: **16.723 triệu đồng**, chiếm **61,59%** tổng nguồn vốn chủ yếu là:

- Phải trả cho người bán là: **205 triệu đồng**.

- Phải trả cho người lao động: **393 triệu đồng**

- Phải trả ngắn hạn: **15.134 triệu đồng**

- Phải trả ngắn hạn khác: **960 triệu đồng**

+ Tổng vốn chủ sở hữu là: **10.427 triệu đồng**. Trong đó:

- Vốn điều lệ: **50.000 triệu đồng**.

- Cổ phiếu quỹ: **-188,1 triệu đồng**.

- Lỗ lũy kế: **-39.385 triệu đồng**.

c. Tình hình tín dụng :

Công ty không có nợ vay dài hạn và ngắn hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:

Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của công ty trong giai đoạn hiện nay và trong những năm tới, cán bộ nhân viên trong công ty không ngừng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ quản lý. Ban điều hành chú trọng đến việc bổ nhiệm các cán bộ trẻ, có năng lực vào các vị trí quan trọng trong các phòng nghiệp vụ của công ty để các cán bộ này có điều kiện cọ sạt thực tế để kế cận.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Tình hình thị trường kinh doanh vận tải biển năm 2019 chưa có dấu hiệu khởi sắc nên đầu tư mua tàu trong giai đoạn này cần phải tính toán, cân nhắc kỹ lưỡng về nguồn hàng, tuyến khai thác và chi phí khai thác, vận doanh tàu. Trước tình hình này, Công ty đề xuất chưa thực hiện chủ trương đầu tư đóng mới hay mua tàu đã qua sử dụng trong năm 2021.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường, xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng...)

Việc tiết kiệm nước, năng lượng không chỉ giảm chi phí, giảm giá thành vận tải mà còn bảo vệ môi trường. Sau khi đã nhận thức được điều này, người lao động công ty nâng cao tinh thần tiết kiệm khi tàu trên biển thuyền viên trung cất nước biển lấy nước ngọt dự trữ trong các két của tàu. Vận hành tàu chạy với tốc độ kinh tế để giảm tiêu hao nhiên liệu mà vẫn đảm bảo yêu cầu khai thác. Ngoài ra trong sinh hoạt hàng ngày, thuyền viên cũng tiết kiệm nước ngọt, tiết kiệm điện hơn trước.

Số lượng điện, nước tiêu thụ trong năm 2021 đã giảm hơn do người lao động trên văn phòng đã có ý thức trong việc tiết kiệm điện, nước và văn phòng bị phong tỏa khi dịch covid diễn biến phức tạp.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Các chế độ chính sách liên quan đến người lao động phù hợp với pháp luật hiện hành giúp người lao động yên tâm làm việc, gắn bó với doanh nghiệp.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của DN đối với cộng đồng địa phương

Tham gia đầy đủ các chương trình hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác thông qua hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng. Từ đó định hướng cho người lao động công ty có ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương nơi làm việc và nơi sinh sống.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

a. Kinh doanh:

Tàu Sea Dream cho thuê định hạn cả năm từ 01/01/2021 đến ngày tàu lên đà đặc biệt (13/12/2021). Tình trạng kỹ thuật tàu ổn định nên tàu cho thuê liên tục không bị off hire. Kết quả kinh doanh cả năm công ty có lãi.

b. An ninh – an toàn hàng hải

Trong năm 2021, nhiều lần PSC kiểm tra tại các cảng phát hiện một số khiếm khuyết. Công ty đã khắc phục kịp thời để tránh tàu bị lưu giữ, offhire ngày tàu đồng thời phân tích, làm rõ nguyên nhân để rút kinh nghiệm.

c. Bảo hiểm tàu

Công ty đã mua và thanh toán phí đầy đủ Bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu, Bảo hiểm thân vỏ tàu, Bảo hiểm tai nạn thuyền viên.

d. Công tác thuyền viên

Năm 2021, tuyển dụng thuyền viên gặp rất nhiều khó khăn do bị thị trường thuyền viên khan hiếm. Nhu cầu thuyền viên của Chủ tàu nước ngoài rất lớn và Việt Nam là 1 trong số ít quốc gia có thể thay thuyền viên trong đại dịch Covid-19 do vậy các chủ tàu tập trung đưa tàu về Việt Nam để thay thuyền viên. Lương thuyền viên trên thị trường tăng cao đột biến. Nhiều chức danh cao gấp đôi mức lương năm 2020 nhưng vẫn rất khó tìm người. Chất lượng thuyền viên thấp hơn so với trước đây, đặc biệt về chuyên môn, đạo đức và kỷ luật lao động.

Khi dịch Covid-19 bùng phát, việc thay đổi thuyền viên Ấn độ rất khó khăn và chi phí tăng cao, Công ty đã tạm dừng thuê thuyền viên Ấn độ từ 09/2021.

c. Thuế và lệ phí:

Công ty hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước đầy đủ, đúng hạn.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Năm 2021, Ban Giám đốc công ty có sự thay đổi nhân sự đột ngột. Giám đốc đương nhiệm ông Nguyễn Hữu Hoàn qua đời nên ngày 01/06/2021 HĐQT đề cử ông Đặng Hồng Trường Thành viên Hội đồng quản trị làm Giám đốc công ty. Ngày 02/07/2021, bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh được bổ nhiệm làm Phó Giám đốc công ty. Trong năm 2021, Ban Giám đốc công ty đã có nhiều cố gắng trong công tác điều hành để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ mà ĐHCĐ và HĐQT giao phó, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của Công ty không bị gián đoạn và tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ, các qui chế nội bộ của Công ty; thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT và ĐHCĐ.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

3.1. Kế hoạch năm 2022:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2021	So KH 2022/TH 2021
1	Tổng doanh thu	70.868	29.267	242,14%
2	Khấu hao cơ bản tàu Sea Dream	0	7.048	
3	Quỹ lương	9.600	5.718	167,89%
4	Lợi nhuận sau thuế	32.212	4.106	784,51%
5	Thù lao HĐQT	200	92	217,39%
6	Mức chia cổ tức	-	-	

Năm 2022, tàu Sea Dream tiếp tục cho thuê định hạn từ 23 giờ 30 ngày 15/01/2022, ngay khi tàu rời đà tại Phà rừng. Tàu dự kiến cho thuê định hạn 345

ngày/365 ngày trong đó trong đó 15 ngày tàu nằm đà, 5 ngày off hire. Công ty đã ký phụ lục cho thuê định hạn tàu Sea Dream đến 31/03/2021 và sẽ tiếp tục đàm phán giá cước thuê tàu từ quý 2/2022 phù hợp với thị trường.

3.2. Phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2022:

Dịch Covid vẫn diễn biến phức tạp, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung chưa có hồi kết, chiến sự Nga-Ucraina nổ ra làm giá nhiên liệu tăng cao nên tình hình kinh doanh vận tải biển gặp rất nhiều khó khăn. Hiện giá thuê định hạn tàu Sea Dream đã giảm so với thời điểm tháng 10/2021 nhưng vẫn giữ ở mức cao. HĐQT sẽ sát cánh cùng Ban điều hành cố gắng:

- + Bám sát thị trường, làm việc với Người thuê tàu để điều chỉnh giá thuê tàu phù hợp đảm bảo lợi ích của Công ty.
- + Duy trì hoạt động kinh doanh của Công ty ổn định, liên tục.
- + Triệt để tiết kiệm chi phí, duy trì chất lượng dịch vụ;
- + Đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động và lợi ích của các cổ đông.
- + Nghiên cứu triển khai dịch vụ quản lý tàu thuê, cho thuê một phần trụ sở tạo công ăn việc làm cho người lao động và tăng thêm thu nhập.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Nhiệm kỳ 2020-2025, Hội đồng Quản trị mới có 05 Thành viên trong đó 01 thành viên trực tiếp tham gia điều hành, 04 thành viên còn lại không trực tiếp tham gia điều hành. 02 thành viên là đại diện phần vốn cho các tổ chức góp vốn và 03 cổ đông cá nhân.

. Hội đồng quản trị công ty gồm:

STT	Hội đồng quản trị	Tỷ lệ sở hữu / Vốn điều lệ
1	Phạm Thị Anh Thư - Chủ tịch HĐQT - Đại diện phần vốn Tổng Cty Hàng Hải VN – Công ty TNHH MTV	26,46%
2	Nguyễn Hữu Hoàn- Phó chủ tịch HĐQT	3,08%
3	Trần Ngọc Sơn- Đại diện phần vốn Tổng công ty Bảo Việt Nhân Thọ	8,82%
4	Đặng Hồng Trường	0,10%
5	Nguyễn Đức Mạnh	7,37%

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Do mô hình công ty nhỏ, gọn nên Hội đồng quản trị công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

c. Người phụ trách quản trị công ty:

Hội đồng quản trị bầu ông Đặng Hồng Trường, thành viên Hội đồng quản trị là Người phụ trách quản trị công ty.

d. Hoạt động của Hội đồng quản trị

+ Các cuộc họp của HĐQT và các nghị quyết, quyết định của HĐQT

Hội đồng Quản trị đã tổ chức các cuộc họp với chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị theo đúng thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập chi tiết rõ ràng và lưu giữ đầy đủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Các nghị quyết, quyết định được Hội đồng Quản trị Công ty ban hành sát sao, kịp thời giúp Ban Điều hành thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông năm 2021.

+ Kết quả giám sát đối với Giám đốc:

Tuy có sự thay đổi nhân sự, nhưng Giám đốc công ty đều là thành viên HĐQT nên việc thực thi các nghị quyết HĐQT được triển khai nhanh chóng, thuận lợi. Giám đốc công ty cùng toàn thể cán bộ công nhân viên công ty giảm chi tiêu, giảm định biên, hạn chế tối đa các chi phí phát sinh trong khai thác tàu; Giám sát chặt chẽ, việc cung cấp, tiêu thụ nhiên liệu, vật tư phụ tùng tránh lãng phí, thất thoát. Công tác quản lý tài chính, bảo toàn phát triển nguồn vốn được thực hiện đúng chính sách, qui định của nhà nước. Quản lý tốt các nguồn thu chi của Công ty, thực hiện đầy đủ các chế độ nghĩa vụ nộp thuế ngân sách cho nhà nước.

+ Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý

Cán bộ điều hành và các sỹ quan thuyền viên mẫn cán, đồng lòng cùng Giám đốc điều hành cố gắng thực hiện các nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng Cổ đông. Trong năm qua, tuy phải cắt giảm chi phí trong hoạt động kinh doanh nhưng Công ty vẫn luôn đảm bảo tuân thủ các quy định về an toàn trong hoạt động khai thác tàu, hàng hóa và con người. Hội đồng Quản trị đã có sự phối hợp công tác tốt với Ban Điều hành và các cán bộ quản lý của Công ty.

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

STT	Ban Kiểm soát	Tỷ lệ sở hữu / Vốn điều lệ
1	Nguyễn Minh Lộc - Trưởng ban	2,30%
2	Lê Thanh Phúc	0,00%
3	Nguyễn Phương Liên	0,63%

b. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Tham gia các cuộc họp Hội đồng Quản trị Công ty khi được mời.

- Thực hiện kiểm tra, kiểm soát định kỳ hoạt động quản lý, điều hành kinh doanh, tình hình tài chính, việc chấp hành các chế độ quy định của Nhà nước và các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Công ty.

- Ban Kiểm soát đã phối hợp với Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành để lựa chọn, ký kết với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2021 của Công ty theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và quy định của pháp luật.

+ *Kết quả giám sát Hội đồng quản trị:*

- Hội đồng Quản trị Công ty đã tiến hành các cuộc họp định kỳ và bất thường hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định để triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Các Thành viên Hội đồng Quản trị tham dự họp đầy đủ hoặc tham dự họp thông qua ủy quyền tại các cuộc họp cũng như tham gia ý kiến đối với các vấn đề xin ý kiến bằng văn bản của Hội đồng Quản trị.

- Hội đồng Quản trị đã hành động có trách nhiệm và vì công việc chung.

- Khi tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát được cung cấp các tài liệu của cuộc họp.

- Hiện nay ngành vận tải biển liên tục gặp rất nhiều khó khăn, Ban Kiểm soát thấy HĐQT đã có nỗ lực trong công tác quản lý Công ty.

+ *Kết quả giám sát Ban điều hành*

- Giám đốc và Lãnh đạo các Phòng Ban đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Quyết định của HĐQT.

- Ban Điều hành đã có những đề xuất và quyết định phù hợp, chủ động theo tình hình thực tế để duy trì hoạt động của Công ty trong các điều kiện thị trường vận tải biển.

- Ban Điều hành đã thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định.

- Ban Điều hành đã hành động vì lợi ích của cổ đông và của Công ty; không có xung đột lợi ích của cổ đông, của Công ty với lợi ích của cá nhân. Các hoạt động của Ban Điều hành và Lãnh đạo các Phòng, Ban Công ty tuân thủ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ, quy định của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 thù lao HĐQT-BKS là 100 triệu đồng. Tuy nhiên, khi ông Đặng Hồng Trường, thành viên HĐQT kiêm Giám đốc từ 01/06/2022, ông Trường không nhận thù lao Hội đồng Quản trị nên Thù lao HĐQT-BKS năm 2021 là 92 triệu đồng.

VI. Báo cáo tài chính

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán và Tư Vấn RSM Việt Nam đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 và phát hành Báo cáo Kiểm toán vào ngày 14 tháng 03 năm 2022.

1. Ý kiến kiểm toán:

“Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Hải Âu tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”

Các vấn đề cần nhấn mạnh

“Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến mục 2.5 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính về việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 3.631.878.973 VND. Điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ý kiến của chúng tôi không bị

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		13.087.215.023	2.275.549.261
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.927.014.135	599.556.955
1. Tiền	111	4.1	5.927.014.135	599.556.955
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.664.348.325	656.490.373
1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.2	5.398.519.952	178.581.641
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.3	265.828.373	477.908.732
III. Hàng tồn kho	140		181.639.517	269.201.162
1. Hàng tồn kho	141	4.4	181.639.517	269.201.162
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.314.213.046	750.300.771
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	540.798.316	389.858.750
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		773.414.730	360.442.021
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		14.063.275.383	23.926.535.183
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.000.000	5.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		5.000.000	5.000.000
II. Tài sản cố định	220		11.901.678.374	19.037.555.586
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	1.901.678.374	9.037.555.586
Nguyên giá	222		179.551.553.549	179.592.380.443
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(177.649.875.175)	(170.554.824.857)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.6	10.000.000.000	10.000.000.000
Nguyên giá	228		10.000.000.000	10.000.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		2.156.597.009	4.883.979.597
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	2.156.597.009	4.883.979.597
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		27.150.490.406	26.202.084.444

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		16.723.093.996	19.880.704.660
I. Nợ ngắn hạn	310		16.719.093.996	19.876.704.660
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.8	205.132.240	284.469.181
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	967.896.263
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		18.697.552	2.923.449
4. Phải trả người lao động	314	4.9	393.000.000	85.137.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.10	15.134.095.543	17.473.934.599
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.11	960.528.611	1.054.704.118
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.640.050	7.640.050
II. Nợ dài hạn	330		4.000.000	4.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337		4.000.000	4.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		10.427.396.410	6.321.379.784
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.12	10.427.396.410	6.321.379.784
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(188.100.000)	(188.100.000)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(39.384.503.590)	(43.490.520.216)
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(43.490.520.216)	(42.952.680.133)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.106.016.626	(537.840.083)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		27.150.490.406	26.202.084.444

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	29.267.413.076	26.498.539.381
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		29.267.413.076	26.498.539.381
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	22.527.937.256	24.339.151.536
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.739.475.820	2.159.387.845
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	72.448.372	62.020.428
6. Chi phí tài chính	22	5.4	40.537.348	605.732.019
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		-	590.290.396
7. Chi phí bán hàng	25	5.5	365.569.923	330.636.511
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	2.299.800.295	1.822.879.826
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.106.016.626	(537.840.083)
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.106.016.626	(537.840.083)
11. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.106.016.626	(537.840.083)
12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.12.4	824	(108)
13. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.12.4	824	(108)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.106.016.626	(537.840.083)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.7	7.135.877.212	8.955.668.940
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(13.766.403)	8.453.643
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(56.346)	(79.431)
Chi phí lãi vay	06		-	590.290.396
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		11.228.071.089	9.016.493.465
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.420.830.661)	1.525.956.116
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		87.561.645	20.616.188
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(127.610.664)	(1.929.873.728)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		2.576.443.022	3.040.805.588
Tiền lãi vay đã trả	14	4.10	(3.030.000.000)	(286.368.138)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.313.634.431	11.387.629.491
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền thu lãi cho vay, cô tức và lợi nhuận được chia	27		56.346	79.431
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		56.346	79.431
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	2.533.505.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(16.152.505.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(13.619.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20+30+40)	50		5.313.690.777	(2.231.291.078)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		599.556.955	2.830.394.014
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		13.766.403	454.019
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60+61)	70	4.1	5.927.014.135	599.556.955

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Hải Âu (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000083 ngày 01 tháng 06 năm 2000 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 09 tháng 06 năm 2021 để thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 50.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Cổ đông	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 01/01/2021	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam- CTCP	Việt Nam	13.230.000.000	26.46	13.230.000.000	26.46
Tổng công ty Bảo việt Nhân Thọ	Việt Nam	4.410.000.000	8.82	4.410.000.000	8.82
Công ty TNHH Quản lý quỹ Mirae Asset (Việt Nam)	Việt Nam	4.409.000.000	8.82	4.409.000.000	8.82
Ông Nguyễn Đức Mạnh	Việt Nam	3.687.700.000	7.37	12.440.100.000	24.88
Bà Nguyễn Thị Mai Phuong	Việt Nam	10.568.300.000	21.14	-	-
Các cổ đông khác	Việt Nam	13.695.000.000	27.39	15.510.900.000	31.02
Cộng		50.000.000.000	100	50.000.000.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 40 Đường số 1, Khu phố 3, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 29 (31/12/2020: 24).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải biển trong và ngoài nước;
- Thực hiện các giao dịch đại lý: tàu biển, giao nhận vận tải đa phương thức;
- Môi giới hàng hải; Cung ứng tàu biển; Kinh doanh xuất nhập khẩu.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 3.631.878.973 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai và việc tiếp tục tài trợ của các chủ đầu tư. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính năm 2021 không có lý do gì để Giám đốc Công ty tin rằng các chủ đầu tư sẽ không tiếp tục tài trợ cho hoạt động của Công ty trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của ngân hàng phát sinh giao dịch;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;

- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
▪ Máy móc thiết bị	05 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 20 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại số 40, Đường số 1, Khu phố 3, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

3.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến mua vật tư và chi phí sửa chữa tàu. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ từ 2 tháng đến 36 tháng vào kết quả hoạt động kinh doanh;

- Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm tài sản,...) được phân bổ 3 tháng;

- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ từ 2 năm đến 3 năm.

3.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.10. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.12. Doanh thu cung cấp dịch vụ, thu thập khác

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

3.14. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí đi vay vốn và lỗ tỷ giá hối đoái.

3.15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí hoa hồng về môi giới dịch vụ vận tải biển.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền

lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

3.16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Dịch vụ vận tải biển: 0%
- Dịch vụ cho thuê văn phòng: 10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.19. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các

môi trường kinh tế khác.

3.20. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tiền mặt	10.183.498	168.882.906
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.916.830.637	430.674.049
Cộng	5.927.014.135	599.556.955

4.2. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Công ty TNHH MTV Đóng Tàu Phà Rừng	2.383.562.662	-
Công ty TNHH Phát triển công nghệ Hàng hải Thảo Linh	1.410.024.000	-
Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng	824.555.600	-
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ Thuật MTB	251.941.690	-
Công ty TNHH Cơ khí & TM Quỳnh Phát	140.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	388.436.000	178.581.641
Cộng	5.398.519.952	178.581.641

4.3. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Khoản bồi thường từ công ty bảo hiểm	218.130.773	-	414.986.452	-
Tiền ăn ngoại tệ tàu Sea Dream	47.697.600	-	52.922.280	-
Phải thu người lao động	-	-	10.000.000	-
Cộng	<u>265.828.373</u>	<u>-</u>	<u>477.908.732</u>	<u>-</u>

4.4. Hàng tồn kho

Chủ yếu là dầu nhớt và phụ tùng thay thế phục vụ cho tàu biển.

4.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2021	2.190.873.689	40.826.894	177.360.679.860	179.592.380.443
Thanh lý	-	(40.826.894)	-	(40.826.894)
Tại ngày 31/12/2021	2.190.873.689	-	177.360.679.860	179.551.553.549
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2021	201.560.371	40.826.894	170.312.437.592	170.554.824.857
Khấu hao trong năm	87.634.944	-	7.048.242.268	7.135.877.212
Thanh lý	-	(40.826.894)	-	(40.826.894)
Tại ngày 31/12/2021	289.195.315	-	177.360.679.860	177.649.875.175
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2021	1.989.313.318	-	7.048.242.268	9.037.555.586
Tại ngày 31/12/2021	1.901.678.374	-	-	1.901.678.374

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 177.360.679.860 VND.

4.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là quyền sử dụng đất lâu dài tại Số 40, Đường số 1, Khu phố 3, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

4.7. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế	540.798.316	389.858.750
Dài hạn:		
Chi phí sửa chữa tàu	1.655.316.201	3.952.290.501
Công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế	501.280.808	931.689.096
Cộng	2.156.597.009	4.883.979.597

4.8. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Segero Enterprise	131.239.920	131.239.920		
Golden orient Ship Management & Agencies, Inc	-	-	24.861.872	24.861.872
Shanghai Safe Shipping Agency Co., Ltd	-	-	26.690.053	26.690.053
Nantong Fareast Intl Shipping Agency Co., Ltd	-	-	96.569.061	96.569.061
Phải trả cho các đối tượng khác	73.892.320	73.892.320	136.348.195	136.348.195
Cộng	205.132.240	205.132.240	284.469.181	284.469.181

4.9. Phải trả người lao động:

Là khoản tiền lương còn phải trả cho một số thuyền viên.

4.10. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Chi phí bảo hiểm tàu	71.034.797	80.288.347
Chi phí lãi vay (*)	14.363.646.252	17.393.646.252
Phải trả tiền đầu DO, đầu FO và tạm ứng	699.414.494	-
Cộng	15.134.095.543	17.473.934.599

(*) Là khoản lãi vay được gia hạn còn phải trả cho Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam từ các năm trước.

4.11. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ	2.360.524	93.117.360
Phải trả cổ tức	807.073.600	807.073.600
Các khoản phải trả, phải nộp khác	151.094.487	154.513.158
Cộng	960.528.611	1.054.704.118

4.12. Vốn chủ sở hữu

4.12.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2020	50.000.000.000	(188.100.000)	(42.952.680.133)	6.859.219.867
Lỗi trong năm trước	-	-	(537.840.083)	(537.840.083)
Tại ngày 01/01/2021	50.000.000.000	(188.100.000)	(43.490.520.216)	6.321.379.784
Lãi trong năm nay	-	-	4.106.016.626	4.106.016.626
Tại ngày 31/12/2021	50.000.000.000	(188.100.000)	(39.384.503.590)	10.427.396.410

4.12.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam- CTCP	13.230.000.000	13.230.000.000
Tổng công ty Bảo Việt Nhân Thọ	4.410.000.000	4.410.000.000
Cty TNHH Quản lý quỹ Mirae Asset (VN)	4.409.000.000	4.409.000.000

Ông Nguyễn Đức Mạnh	3.687.700.000	12.440.100.000
Bà Nguyễn Thị Mai Phương	10.568.300.000	-
Các cổ đông khác	13.695.000.000	15.510.900.000
Cộng	50.000.000.000	50.000.000.000

4.12.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(18.810)	(18.810)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	4.981.190	4.981.190

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.12.4. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi / (Lỗ) sau thuế để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.106.016.626	(537.840.083)
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm	4.981.190	4.981.190
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	824	(108)

4.13. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
Ngoại tệ các loại:		
USD	254.161,13	18.434,43

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Là doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải biển và cho thuê một phần trụ sở.

5.2. Giá vốn cung cấp dịch vụ

Là giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải biển và cho thuê trụ sở.

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi	56.346	79.431
Lãi chênh lệch tỷ giá	72.392.026	61.940.997
Cộng	72.448.372	62.020.428

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền vay	-	590.290.396
Lỗ chênh lệch tỷ giá	40.537.348	15.441.623
Cộng	40.537.348	605.732.019

5.5. Chi phí bán hàng

Là các khoản chi phí hoa hồng về môi giới dịch vụ vận tải biển.

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên	1.591.946.000	1.187.872.104
Chi phí đồ dùng văn phòng	18.442.327	49.637.233
Chi phí khấu hao tài sản cố định	87.634.944	87.634.944
Thuê môn bài	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.888.612	35.533.903
Chi phí khác bằng tiền	543.888.412	459.201.642
Cộng	2.299.800.295	1.822.879.826

5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.809.744.583	2.572.321.608
Chi phí nhân công	6.707.160.281	6.042.219.931
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.135.877.212	8.955.668.940
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.640.993.699	7.658.876.822
Chi phí khác bằng tiền	1.899.531.699	1.263.580.572
Cộng	25.193.307.474	26.492.667.873

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty chủ yếu là cho thuê tàu vận tải biển và hoạt động hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

1. TCT Hàng Hải Việt Nam – Công ty TNHH MTV
2. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
3. Bà Nguyễn Thị Mai Phương

Mối quan hệ

Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Nhân sự quản lý chủ chốt
Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể

Thù lao Hội đồng quản trị trong năm như sau:

	<u>Năm 2021</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2020</u> <u>VND</u>
Bà Phạm Thị Anh Thư – Chủ tịch HĐQT	17.000.000	-
Ông Đặng Hồng Trường – Thành viên HĐQT	6.041.667	-
Ông Trần Ngọc Sơn – Thành viên HĐQT	14.500.000	-
Ông Nguyễn Đức Mạnh – Thành viên HĐQT	14.500.000	-
Cộng	<u>52.041.667</u>	<u>-</u>

8.

Thu nhập của Ban Giám đốc trong năm như sau:

	<u>Năm 2021</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2020</u> <u>VND</u>
Ông Đặng Hồng Trường – Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/06/2021)	168.456.002	-
Ông Nguyễn Hữu Hoàn – Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/06/2021)	157.723.000	332.600.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh – Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 07/07/2021)	124.898.986	-
Cộng	<u>451.077.988</u>	<u>332.600.000</u>

9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Ông Nguyễn Minh Lộc – Trưởng ban	14.500.000	-
Ông Lê Thanh Phúc – Thành viên	12.500.000	-
Bà Nguyễn Phương Liên – Thành viên	12.500.000	-
Cộng	39.500.000	-

10. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty cho thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng cho thuê có kỳ hạn trung bình là 1 năm, với tiền cho thuê cố định mỗi kỳ:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu cho thuê hoạt động ghi nhận trong năm	21.818.182	43.636.364

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (COVID-19) đang diễn ra và mặc dù đang tác động tiêu cực về mặt tài chính cho Công ty đến 31 tháng 12 năm 2021 nhưng Công ty cũng không thể ước tính được các ảnh hưởng tiềm tàng, tích cực hoặc tiêu cực, sau ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến nhanh và phụ thuộc vào các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam và các nước.

Ngoại trừ ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 như đã nêu, không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2021 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 04 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIÊN HẢI ÂU



ĐẶNG HỒNG TRƯỜNG